SỞ GDĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT BA TƠ

Số: 11 / BC-THPT BTO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ba Tơ, ngày 11 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022

Thực hiện Công văn số 05/SGDĐT-KHTC ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công; công khai tài sản công năm 2022, đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử về tài sản công

Trường THPT Ba Tơ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022 của đơn vị với những nội dung theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

I. Đặc điểm tình hình tài sản công của Trường THPT Ba Tơ hiện nay

- Về đất: có 01 tài sản, tổng diện tích sử dụng là 10684 m^2, trong đó: diện tích đất không kinh doanh là 10684 m^2; diện tích đất cho thuê là: 0m^2; diện tích đất liên doanh, liên kết là: 0m^2.

- Về nhà: có 09 tài sản, không kinh doanh.

- Về ô tô: không có.

- Về tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản: Không có.

II. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Điều 131, Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính Phủ

1. Thực trạng công tác quản lý, sử dụng tài sản công:

Trường THPT Ba Tơ đã thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định của nhà nước. Tài sản cố định được theo dõi trên hệ thống trên sổ sách kế toán của đơn vị và cập nhật vào phần mềm quản lý tài sản nhà nước theo quy định. Công tác quản lý tài sản được gắn với công tác lập, chấp hành dự toán ngân sách nhà nước, đảm bảo phù hợp với quá trình đầu tư xây dựng, sửa chữa bảo dưỡng, mua sắm, sử dụng tài sản theo tiêu chuẩn, định mức, đúng mục đích, trên tinh thần tiết kiệm, sử dụng có hiệu quả; đồng thời, thực hiện công khai, kiểm kê và trích hao mòn tài sản theo quy định.

Việc mua sắm tài sản nhà trường đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định, trình tự mua sắm thực hiện theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày

29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;

Trường THPT Ba Tơ đã ban hành, niêm yết công khai và quán triệt đến toàn thể công chức, viên chức trong đơn vị thực hiện đúng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công số 293e/QĐ - THPT BTO ngày 30/10/2021 của Trường THPT Ba Tơ.

2. Đánh giá những mặt tích cực, hiệu quả, những tồn tại, sai phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị trong kỳ báo cáo

Công tác quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của Trường THPT Ba Tơ được giao quản lý, sử dụng thực hiện theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Quy trình mua sắm tài sản được thực hiện theo đúng quy định, thực hiện cơ chế công khai, minh bạch trong mua sắm, đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí trong mua sắm tài sản công.

3. Đánh giá tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công trong kỳ báo cáo:

Không có

III. Kiến nghị đề xuất

Sở GDĐT cần tổ chức tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức làm công tác quản lý tài sản công để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022 của Trường THPT Ba Tơ. Kính báo cáo Sở GDĐT Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:
- Sở GDĐT (phòng KHTC);
- HT;
- PHT;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THPT BA TƠ

Ngô Văn Hải

Bộ, tỉnh: Quảng Ngãi

Cơ quan quản lý cấp trên: SỞ GD & ĐT QUẢNG NGÃI

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRƯỜNG THPT BA TƠ

Mã đơn vị: 1081536

Loại hình đơn vị: sự nghiệp công lập

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2022

Kèm theo công văn số 11 / BC-THPTBTO , Ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Trường THPT Ba Tơ

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà										
		Diện tích(m^2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán(Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m^2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng(m^2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy th diện tích sàn sử dụng (m^2))						
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	
1	Đất	10684,40	19.231.920.000	x																
1	Nhà công vụ 3 phòng 2016			x						2016		602.456.000	522.088.370	x						
2	Nhà vệ sinh học sinh 2019			x						2019		479.000.000	447.050.700	x						
3	Dãy lớp học 6 phòng tầng (2003)			x						2003		407.480.000		x						
4	Dãy lớp học 8 phòng tầng (2005)			x						2005		992.000.000		x						
5	Nhà bếp tập thể giáo viên (8 phòng) (2003)			x						2003		36.354.000		x						
6	Nhà đa năng 2015			x						2015		5.554.336.000	4.331.826.647	x						
7	Nhà lớp học (6 phòng) (2001)			x						2001		414.434.000		x						
8	Nhà lớp học (8 phòng) (2002)			x						2002		543.800.000		x						
9	Nhà ở (3 phòng) (1997)			x						1997		87.104.000		x						
10	Nhà ở (5 phòng) (1998)			x						1995		102.264.000		x						
11	Nhà ở tập thể giáo viên (2 phòng) (2003)			x						2003		57.902.000		x						
12	Phòng chức năng ODA Ba Tơ (2007)			x						2007		1.132.000.000	701.726.800	x						
13	Phòng học (1995)			x						1995		103.044.000		x						
14	Phòng học (1996)			x						1996		103.044.000		x						
15	Phòng học 6 phòng ODA Ba Tơ (2007)			x						2007		988.694.000	612.891.410	x						
16	Nhà bán trú học sinh 6 phòng 2 tầng			x						2020		1.357.401.000	1.267.541.054	x						
	TỔNG CỘNG	10.684	19.231.920.000										7.883.124.981							

Ngày 11 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Hoàng Duy Thuyền

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG THPT BA TƠ

Ngô Văn Hải

Ghi chú:

Bộ, tỉnh: Quảng Ngãi
Cơ quan quản lý cấp trên: SỞ GD & ĐT QUẢNG NGÃI
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRƯỜNG THPT BA TƠ
Mã đơn vị: 1081536
Loại hình đơn vị: sự nghiệp công lập

Mẫu số 09a-CK/T

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022

Kèm theo CV số 11 /BC/THPT BTO , Ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Trường THPTBTO

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm(nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		C
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	
I	**Đầu tư xây dựng, mua sắm**						**520.400.000**						
1	**Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp**						**434.000.000**						
1.1	Nhà đa năng	nhà	1				434.000.000	Chỉ định thầu					
2	**Xe ô tô**												
3	**Tài sản cố định khác**						**86.400.000**						
3.1	**Thiết bị dạy học GDTC -GDQPAN**	khối	3		Việt Nam	2022	**80.910.000**	Chỉ định thầu					
3.2	**Thiết bị dạy học(ti vi 65inch)**	Cái	6		Nhật bản	2022	86.400.000	Đấu thầu qua mạng					
II	**Tài sản giao mới**												
1	**Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp**												
2	**Xe ô tô**												
3	**Tài sản cố định khác**												
III	**Tài sản đi thuê**						-						
1	**Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp**												
2	**Xe ô tô**												
3	**Tài sản cố định khác**												
IV	**Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho (nếu có)**						-						
	Tổng cộng						**520.400.000**						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Ngày 11 tháng 01 năm 2023
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

TRƯỜNG THPT BA TƠ

Ngô Văn Hải

Bộ, tỉnh: Quảng Ngãi

Cơ quan quản lý cấp trên: SỞ GD & ĐT QUẢNG NGÃI

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRƯỜNG THPT BA TƠ

Mã đơn vị: 1081536

Loại hình đơn vị: sự nghiệp công lập

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC NĂM 2022

Kèm theo CV số 11/ BC/THPTBTO Ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Trường THP Ba Tơ

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
				Tổng cộng	Trong đó								
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
I	**Xe ô tô**												
1	Xe 1												
2	Xe 2												
	...												
II	**Tài sản cố định khác**												
1	Máy tính phòng học tương tác 2019	Trường THPT Ba Tơ	1	11.700.000	11.700.000		7.020.000						
2	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
3	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
4	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
5	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
6	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
7	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
8	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
9	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
10	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
11	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
12	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
13	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
14	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
15	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
16	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
17	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
18	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
19	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
20	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
21	Máy vi tính học sinh	Trường THPT Ba Tơ	1	12.170.000	12.170.000		7.302.000						
22	Màn hình máy vi tính (2013)	Trường THPT Ba Tơ	20	20.000.000	20.000.000								
23	Máy tính nối mạng (P.Vi tính) (2003)	Trường THPT Ba Tơ	1	80.030.000	80.030.000								
24	Máy chủ cho phòng học ACER (DATHP)	Trường THPT Ba Tơ	1	34.992.000	34.992.000								
25	Máy tính để bàn dùng cho học sinh	Trường THPT Ba Tơ	20	238.600.000	238.600.000		238.600.000						
26	Máy tính thư viện (DATHPT)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	5	42.170.000	42.170.000								
27	Máy vi tính cho giáo viên (DATHPT)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	8.434.000	8.434.000								
28	Máy vi tính cho phòng kế toán (2013)	Trường THPT Ba Tơ	1	8.500.000	8.500.000								
29	Máy vi tính CMS (TB11) (2007)	Trường THPT Ba Tơ	3	19.434.000	19.434.000								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
				Tổng cộng	Trong đó								
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
30	Máy vi tính Datamini (Kế toán) (2000)	Trường THPT Ba Tơ	1	11.440.000	11.440.000								
31	Máy vi tính Datamini (TV,VT,VT)	Trường THPT Ba Tơ	3	20.277.000	20.277.000								
32	Máy vi tính Intel Celeron 1.8Ghz (Nam)	Trường THPT Ba Tơ	1	7.500.000	7.500.000								
33	Máy vi tính LG (Kế toán) (2011)	Trường THPT Ba Tơ	1	7.700.000	7.700.000								
34	Máy vi tính Pentium (Hiệu trưởng) (2012)	Trường THPT Ba Tơ	1	8.900.000	8.900.000								
35	Máy tính sách tay PHT CSVC 2019(DELL)	Trường THPT Ba Tơ	1	12.909.000	12.909.000		7.745.400						
36	Máy tính xách tay kế toán 2019(DELL)	Trường THPT Ba Tơ	1	12.909.000	12.909.000		7.745.400						
37	Máy tính xách tay Acer (DAPTGD) (2008)	Trường THPT Ba Tơ	2	27.832.000	27.832.000								
38	Máy tính xách tay dùng cho CM (HT) (2011)	Trường THPT Ba Tơ	1	9.800.000	9.800.000								
39	MÁY IN LAZE HL-B2000D	Trường THPT Ba Tơ	2	7.900.000	7.900.000		7.900.000						
40	MÁY IN HP VĂN THƯ 2019(LASERJET PRO)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.979.000	2.979.000		1.787.400						
41	Máy in Canon (TV) (2011)	Trường THPT Ba Tơ	1	3.300.000	3.300.000								
42	Máy in Epson LQ 2180 (kế toán) (2000)	Trường THPT Ba Tơ	1	8.510.000	8.510.000								
43	Máy in Laser - CANON 2900	Trường THPT Ba Tơ	1	2.372.000	2.372.000								
44	Máy in Laser Canon LBHP 100 (VT-TV)	Trường THPT Ba Tơ	2	7.600.000	7.600.000								
45	Máy in Laser HP 1018 (Cô Lê) (2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.400.000	2.400.000								
46	Máy inLaser Canon 1120 (Htruong)	Trường THPT Ba Tơ	2	7.300.000	7.300.000								
47	Máy Fax giấy thường PANASONIC(DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	6.963.000	6.963.000								
48	Máy Fax(2005)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.400.000	2.400.000								
49	Tủ tài liệu 2020	Trường THPT Ba Tơ	6	20.940.000	20.940.000		16.752.000						
50	Máy SCan VĂN THƯ 2019(DS-720D)	Trường THPT Ba Tơ	1	7.447.000	7.447.000		4.468.200						
51	Máy Photo Minolta Ep 1054 (2003)	Trường THPT Ba Tơ	1	29.050.000	29.050.000								
52	Máy Photocopy SHARP (DA) (2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	76.533.000	76.533.000								
53	Máy Photocopy TOSHIBA (2015)	Trường THPT Ba Tơ	1	71.580.000	71.580.000		37.579.500						
54	Bàn làm việc hành chính 2020	Trường THPT Ba Tơ	13	64.805.000	64.805.000		56.704.375						
55	Bàn bóng bàn (2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	3.030.000	3.030.000								
56	Bàn chân tiện (Phũng PHT)(2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	3.400.000	3.400.000								
57	Bàn chân tiện (Hiệu trưởng)(1999)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.300.000	1.300.000								
58	Bàn đọc thư viện(1996)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.460.000	2.460.000								
59	Bàn ghế giáo viên(2000)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.260.000	1.260.000								
60	Bàn ghế giáo viên(2001)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.680.000	1.680.000								
61	Bàn ghế giáo viên(2001)	Trường THPT Ba Tơ	1	3.600.000	3.600.000								
62	Bàn giáo viên (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	9.000.000	9.000.000								
63	Bàn giáo viên (Sở)(2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	400.000	400.000								
64	Bàn làm việc (1997)	Trường THPT Ba Tơ	1	4.146.000	4.146.000								
65	Bàn làm việc chân tiện(1994)	Trường THPT Ba Tơ	1	3.720.000	3.720.000								
66	Bàn làm việc chân tiện(2004)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.200.000	2.200.000								
67	Bàn làm việc chân tiện(2005)	Trường THPT Ba Tơ	1	3.000.000	3.000.000								
68	Bàn làm việc chõn tiện gỗ lim (2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	4.800.000	4.800.000								
69	Bàn làm việc(1999)	Trường THPT Ba Tơ	1	600.000	600.000								
70	Bàn làm việc(2001)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.920.000	2.920.000								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
				Tổng cộng	Trong đó								
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
71	Bàn làm việc(2001)	Trường THPT Ba Tơ	1	750.000	750.000								
72	Bàn thí nghiệm gỗ (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	23.200.000	23.200.000								
73	Bàn vi tính 2 chỗ ngồi (Hoà Phát)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	6.960.000	6.960.000								
74	Bàn vi tính 2 chỗ ngồi gỗ (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	15.600.000	15.600.000								
75	Bàn vi tính Đài Loan(2003)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.800.000	1.800.000								
76	Bàn vi tính đôi gỗ lim(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	31.900.000	31.900.000								
77	Bàn vi tính đôi(2005)	Trường THPT Ba Tơ	1	5.500.000	5.500.000								
78	Bàn vi tính gỗ(2002)	Trường THPT Ba Tơ	1	840.000	840.000								
79	Bàn vi tính Hoà Phát (Ba Vì)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	8.640.000	8.640.000								
80	Bàn vi tính vỏn Đài loan (2004)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.900.000	1.900.000								
81	Ghế 2 tác dụng(2002)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.500.000	1.500.000								
82	Ghế chân tiện (HT)(1999)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.200.000	1.200.000								
83	Ghế đệm Hoà Phỏt(2003)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.500.000	1.500.000								
84	Ghế đệm mút Xuân Hoà(1997)	Trường THPT Ba Tơ	1	3.375.000	3.375.000								
85	Ghế đệm sắt nệm vuụng chống rĩ (2004)	Trường THPT Ba Tơ	1	13.650.000	13.650.000								
86	Ghế đệm Xuân Hoà(1998)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.300.000	1.300.000								
87	Ghế giáo viờn (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.000.000	2.000.000								
88	Ghế giáo viờn (Sở)(2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.200.000	1.200.000								
89	Ghế tựa đệm khung inox (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	38.420.000	38.420.000								
90	Ghế tựa kiểu Mỹ(1995)	Trường THPT Ba Tơ	1	5.803.000	5.803.000								
91	Ghế tựa th-ờng(1997)	Trường THPT Ba Tơ	1	300.000	300.000								
92	Ghế xoay Đài Loan(2003)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.280.000	1.280.000								
93	Ghế xoay(2002)	Trường THPT Ba Tơ	1	290.000	290.000								
94	Ghế xoay(HT) (1997)	Trường THPT Ba Tơ	1	450.000	450.000								
95	Bàn ghế 2 chỗ ngồi 10A3 2019	Trường THPT Ba Tơ	24	65.280.000	65.280.000		48.960.000						
96	Bàn ghế 2 chỗ ngồi 10A4 2019	Trường THPT Ba Tơ	24	65.280.000	65.280.000		48.960.000						
97	Bàn ghế 2 chỗ ngồi 10A5 2019	Trường THPT Ba Tơ	24	65.280.000	65.280.000		48.960.000						
98	Bàn ghế 2 chỗ ngồi 10A6 2019	Trường THPT Ba Tơ	24	65.280.000	65.280.000		48.960.000						
99	Bàn ghế 2 chỗ ngồi 10A72019	Trường THPT Ba Tơ	24	65.280.000	65.280.000		48.960.000						
100	Bàn ghế 2 chỗ ngồi 10A82019	Trường THPT Ba Tơ	24	65.280.000	65.280.000		48.960.000						
101	Bàn ghế 2 chỗ ngồi 11A12019	Trường THPT Ba Tơ	24	65.280.000	65.280.000		48.960.000						
102	Bàn ghế 2 chỗ ngồi 11A22019	Trường THPT Ba Tơ	24	65.280.000	65.280.000		48.960.000						
103	Bàn ghế 2 chỗ ngồi 11A82019	Trường THPT Ba Tơ	24	65.280.000	65.280.000		48.960.000						
104	Bàn ghế 2 chỗ ngồi 12A12019	Trường THPT Ba Tơ	10	27.200.000	27.200.000		20.400.000						
105	Bàn ghế 2 hỗ ngồi 10A1 2019	Trường THPT Ba Tơ	24	65.280.000	65.280.000		48.960.000						
106	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi 2020 12A4	Trường THPT Ba Tơ	24	64.920.000	64.920.000		56.805.000						
107	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi 2020 12A5	Trường THPT Ba Tơ	24	64.920.000	64.920.000		56.805.000						
108	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi 2020 12A6	Trường THPT Ba Tơ	24	64.920.000	64.920.000		56.805.000						
109	Bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi (2014	Trường THPT Ba Tơ	1	29.400.000	29.400.000		12.495.000						
110	Bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi (2015)	Trường THPT Ba Tơ	1	13.000.000	13.000.000		6.825.000						
111	Bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi (Sở)(2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	39.760.000	39.760.000								
112	Bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi rời (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	99.360.000	99.360.000								
113	Bàn ghế phòng Hội trường (2014)	Trường THPT Ba Tơ	1	29.400.000	29.400.000		12.495.000						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết
				Tổng cộng	Trong đó								
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
114	Bàn ghế phòng Hội trường (2015)	Trường THPT Ba Tơ	1	24.000.000	24.000.000		12.600.000						
115	Ghế tựa hòa phát năm 2019	Trường THPT Ba Tơ	60	24.000.000	24.000.000		22.392.000						
116	máy điều hòa Mitsubishi	Trường THPT Ba Tơ	6	110.667.000	110.667.000		96.833.625						
117	Máy điều hoà phòng tin học 2019(Mitsubishi)	Trường THPT Ba Tơ	4	43.692.000	43.692.000		32.769.000						
118	ÂM THANH PHÒNG HỌC APLUS	Trường THPT Ba Tơ	1	13.400.000	13.400.000		8.040.000						
119	Bảng chống loá 2019	Trường THPT Ba Tơ	4	14.500.000	14.500.000		8.700.000						
120	Màn hình TƯƠNG TÁC 2019	Trường THPT Ba Tơ	1	174.395.000	174.395.000		104.637.000						
121	Bảng chống lóa (Sở cấp)(2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	16.000.000	16.000.000								
122	Bảng thông báo chân sắt(2000)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.400.000	1.400.000								
123	Bảng viết phấn chống lóa (2005)	Trường THPT Ba Tơ	1	39.950.000	39.950.000								
124	Bảng viết phấn chống lóa Hàn Quốc (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	18.000.000	18.000.000								
125	Biến thế nguồn (phòng thực hành Lý)	Trường THPT Ba Tơ	1	12.750.000	12.750.000								
126	Bộ lưu điện UPS AD 600VA(HT)(2002)	Trường THPT Ba Tơ	1	790.000	790.000								
127	Bộ lưu điện UPS santal (DATHPT)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.570.000	2.570.000								
128	Bộ quang tia mạnh(1999)	Trường THPT Ba Tơ	1	3.631.000	3.631.000								
129	Bồn chứa nước Inox 1000 lớt(2003)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.000.000	2.000.000								
130	CDRom 52X Sam sung (HT) (2002)	Trường THPT Ba Tơ	1	330.000	330.000								
131	Chân micro (TB10)(2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	558.000	558.000								
132	Chân micro(1995)	Trường THPT Ba Tơ	1	225.000	225.000								
133	Cột búng rổ (TB12)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	12.998.000	12.998.000								
134	Hệ thống mạng LAN (DATHPT)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	19.178.000	19.178.000								
135	Loa cầm tay XB-11S (TB10)(2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	900.000	900.000								
136	Máy băn tập MBT - 03 (2009)	Trường THPT Ba Tơ	1	21.765.000	21.765.000								
137	Máy đánh chữ Facit(1994)	Trường THPT Ba Tơ	1	8.250.000	8.250.000								
138	Máy Scen (2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.200.000	1.200.000								
139	Máy tính (KT)(1993)	Trường THPT Ba Tơ	1	341.000	341.000								
140	Máy tính (TQ)(1998)	Trường THPT Ba Tơ	1	130.000	130.000								
141	Máy tính bỏ túi FX500(2000)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.725.000	1.725.000								
142	Máy tính cầm tay 570 MS(2009)	Trường THPT Ba Tơ	1	190.000	190.000								
143	Máy tính cầm tay FX570ES(2009)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.680.000	1.680.000								
144	Máy tính cầm tay Vinacal (2009)	Trường THPT Ba Tơ	1	440.000	440.000								
145	Máy tính điện tử cầm tay (TB11)(2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.251.000	1.251.000								
146	Máy tính FX 500MZ(2003)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.200.000	2.200.000								
147	Micro điện tử(2005)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.100.000	1.100.000								
148	Micro fin (TB10)(2006	Trường THPT Ba Tơ	1	3.266.000	3.266.000								
149	Micro khụng dây UHF (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	7.391.000	7.391.000								
150	Microphone TOA (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.788.000	2.788.000								
151	Modem ADSL ZOOM X 5 (DATHPT)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.568.000	1.568.000								
152	Ổn áp 10 KVA (Phũng mỏy)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	12.540.000	12.540.000								
153	Ổn áp Ovi 100VA(Nam)(2004)	Trường THPT Ba Tơ	1	500.000	500.000								
154	Ổn áp Ovi 20KVA(VT)(2004)	Trường THPT Ba Tơ	1	6.500.000	6.500.000								
155	Ổn áp Quioa 1000 VA(HT)(2002)	Trường THPT Ba Tơ	1	385.000	385.000								
156	Quạt trần(1997)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.670.000	1.670.000								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
157	Quạt treo tường(1997)	Trường THPT Ba Tơ	1	320.000	320.000									
158	Thiết bị quốc phòng (máy bắn tập)	Trường THPT Ba Tơ	1	19.553.000	19.553.000		9.287.675							
159	Tích điện Santak 500VA(VT)(2004)	Trường THPT Ba Tơ	1	4.800.000	4.800.000									
160	Tủ mạng NET (DATHPT)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.543.000	1.543.000									
161	Máy chiếu NEC mã hiệuNP-ME402XG2020	Trường THPT Ba Tơ	4	111.600.000	111.600.000		89.280.000							
162	Máy chiếu DALTE (TB10) (2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.500.000	1.500.000									
163	Máy chiếu DALTE 96 (TB10) (2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.613.000	2.613.000									
164	Máy chiếu MITSUBISHI (DA) (2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	50.193.000	50.193.000									
165	Máy chiếu Panasonic (TB10) (2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	23.500.000	23.500.000									
166	Máy chiếu qua đầu (DA) (2003)	Trường THPT Ba Tơ	1	4.150.000	4.150.000									
167	Máy chiếu Tripod Projection VEGA (DA) (2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.728.000	2.728.000									
168	Máy chiếu vật thể ELMO (DA) (2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	24.642.000	24.642.000									
169	Đầu đĩa DVD Samsung (TB11)(2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.928.000	2.928.000									
170	Đầu đĩa DVD Sony (TB10) (2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.176.000	2.176.000									
171	Đầu DVD TCL (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	4.548.000	4.548.000									
172	Đầu Video sony(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.946.000	2.946.000									
173	Máy quay kỹ thuật số SONY (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	23.358.000	23.358.000									
174	Ti vi 29 in LG (TB10) (2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	4.311.000	4.311.000									
175	TI VI 65INCH VÀ PHẦN MỀM DẠY HỌC KHỐI 10 2021	Trường THPT Ba Tơ	4	123.072.000	123.072.000		123.072.000							
176	Ti vi màu 29 in Sony (TB11) (2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	13.368.000	13.368.000									
177	Ti vi Sony 21 in (1996)	Trường THPT Ba Tơ	1	5.380.000	5.380.000									
178	Ti vi TCL (DA) (2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	12.361.000	12.361.000									
179	Máy ảnh kỹ thuật số SONY (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	11.711.000	11.711.000									
180	Âm ly 35 sò (TB10)(2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.787.000	2.787.000									
181	Âm ly liền Mixer TOA (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	4.913.000	4.913.000									
182	Am ly mixer(2001)	Trường THPT Ba Tơ	1	5.042.000	5.042.000									
183	Bộ tăng âm di động TOA (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	17.803.000	17.803.000									
184	Loa hộp 30 W TOA (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	4.808.000	4.808.000									
185	Loa hộp TOA (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	4.900.000	4.900.000									
186	Loa nén(2002)	Trường THPT Ba Tơ	1	360.000	360.000									
187	Loa Peaker SD 625(HT)(2002)	Trường THPT Ba Tơ	1	195.000	195.000									
188	Loa sắt (TB10)(2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	350.000	350.000									
189	Loa sắt (TB10)(2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	204.000	204.000									
190	Loa thùng(2001)	Trường THPT Ba Tơ	1	5.149.000	5.149.000									
191	Máy Casset đĩa (2005)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.800.000	1.800.000									
192	Máy Casset S350 (TB10) (2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.353.000	2.353.000									
193	Máy Casset Sony (1995)	Trường THPT Ba Tơ	1	529.000	529.000									
194	Máy Casset Sony (2001)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.674.000	1.674.000									
195	Máy Casset Sony (TB11) (2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.397.000	1.397.000									
196	Máy Casset Sunny (2001)	Trường THPT Ba Tơ	1	200.000	200.000									
197	Điện thoại(2005)	Trường THPT Ba Tơ	1	550.000	550.000									
198	Giường cá nhân(1999)	Trường THPT Ba Tơ	1	900.000	900.000									
199	Giường cá nhân(2000)	Trường THPT Ba Tơ	1	900.000	900.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
				Tổng cộng	Trong đó								
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
200	Giường cá nhân(2001)	Trường THPT Ba Tơ	1	600.000	600.000								
201	Giường cá nhõn(2003)	Trường THPT Ba Tơ	1	3.336.000	3.336.000								
202	Giường tầng Hoà Phót (HSNT)(2011)	Trường THPT Ba Tơ	1	10.000.000	10.000.000								
203	Giường tầng Hoà Phót (HSNT)(2012)	Trường THPT Ba Tơ	1	12.000.000	12.000.000								
204	Két bạc(1995)	Trường THPT Ba Tơ	1	6.006.000	6.006.000								
205	Bệ đặt tượng Bác(1998)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.100.000	1.100.000								
206	Buc phát biểu(2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.200.000	1.200.000								
207	Giá để thiết bị (TB10)(2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	8.622.000	8.622.000								
208	Giá để thiết bị (TB11)(2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	8.820.000	8.820.000								
209	Giá để thiết bị (TB12) (2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	8.000.000	8.000.000								
210	Giá kệ đa năng (Thư viện)(2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	3.600.000	3.600.000								
211	Giá sách gỗ(1995)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.302.000	1.302.000								
212	Giá sách thư viện (Thộp H.Phót)(2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	5.600.000	5.600.000								
213	Giá sách thư viện 6 tầng gỗ sắt (2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	13.200.000	13.200.000								
214	Giá sách(1996)	Trường THPT Ba Tơ	1	3.400.000	3.400.000								
215	Kệ sách sắt 6 tầng(2003)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.600.000	1.600.000								
216	Tủ để ti vi(2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	750.000	750.000								
217	Tủ đựng hoỏ chất (TB10)(2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	3.950.000	3.950.000								
218	Tủ đựng thiết bị (TB10)(2006)	Trường THPT Ba Tơ	1	3.590.000	3.590.000								
219	Tủ hồ sơ (2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	4.000.000	4.000.000								
220	Tủ hồ sơ gỗ (2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	6.000.000	6.000.000								
221	Tủ hồ sơ gỗ hương (2000)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.400.000	1.400.000								
222	Tủ hồ sơ gỗ hương(1998)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.700.000	1.700.000								
223	Tủ hồ sơ gỗ hương(1998)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.400.000	1.400.000								
224	Tủ hồ sơ gỗ lim 2m x2m(Văn thư)(2002)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.000.000	2.000.000								
225	Tủ hồ sơ thép chống rỉ có kính (2004)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.900.000	1.900.000								
226	Tủ hồ sơ thép chống rỉ Hòa Phát (2005)	Trường THPT Ba Tơ	1	4.000.000	4.000.000								
227	Tủ hồ sơ thép chống rỉ không kính (2004)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.000.000	2.000.000								
228	Tủ Hoà Phát 2 cửa thép HT(2011)	Trường THPT Ba Tơ	1	3.000.000	3.000.000								
229	Tủ kính khung nhôm 1,5 x1,5(2002)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.200.000	1.200.000								
230	Tủ kính thư viện(2001)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.700.000	1.700.000								
231	Tủ phích thư viện(1996)	Trường THPT Ba Tơ	1	750.000	750.000								
232	Tủ phích thư viện(1999)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.050.000	1.050.000								
233	Tủ tài liệu có kính(1997)	Trường THPT Ba Tơ	1	475.000	475.000								
234	Tủ tài liệu kính (Hoà Phát)(2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	7.200.000	7.200.000								
235	Tủ thí nghiệm 16 hộc (DA)(2008)	Trường THPT Ba Tơ	1	10.800.000	10.800.000								
236	Tủ thiết bị (2003)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.800.000	1.800.000								
237	Tủ ti vi(1997)	Trường THPT Ba Tơ	1	950.000	950.000								
238	Tủ trưng bày(2000)	Trường THPT Ba Tơ	1	1.200.000	1.200.000								
239	Cổng ngõ (2005)	Trường THPT Ba Tơ	1	27.637.000	27.637.000								
240	Giếng nước (1976)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.236.000	2.236.000								
241	Giếng nước (2004)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.500.000	2.500.000								
242	Nhà bảo vệ (2001)	Trường THPT Ba Tơ	1	7.581.000	7.581.000								
243	Nhà để xe (2003)	Trường THPT Ba Tơ	1	13.399.000	13.399.000								
244	Nhà vệ sinh giáo viên (1996)	Trường THPT Ba Tơ	1	9.750.000	9.750.000								
245	Nhà vệ sinh học sinh (1999)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.770.000	2.770.000								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết
				Tổng cộng	Trong đó								
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
246	Nhà vệ sinh học sinh (2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	31.651.000	31.651.000								
247	Nhà vệ sinh khu làm việc (2007)	Trường THPT Ba Tơ	1	13.500.000	13.500.000								
248	Nhà xe giáo viên (2000)	Trường THPT Ba Tơ	1	2.781.000	2.781.000								
249	Nhà xe học sinh (1999)	Trường THPT Ba Tơ	1	6.000.000	6.000.000								
250	Nhà xe học sinh (2002)	Trường THPT Ba Tơ	1	7.755.000	7.755.000								
251	Tường rào cổng ngõ (1998)	Trường THPT Ba Tơ	1	57.010.000	57.010.000								
252	Tường rào lưới P40 (2003)	Trường THPT Ba Tơ	1	28.726.000	28.726.000								
253	TI VI 65INCH 2022	Trường THPT Ba Tơ	6	86.400.000	86.400.000		86.400.000						
	TỔNG CỘNG		**709**	**4.024.986.000**	**4.024.986.000**	**-**	**1.838.583.575**						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Hoàng Duy Thuyền

Ngày 11 tháng 11 năm 202
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG THPT BA TƠ

Ngô Văn Hải

Ghi chú:
- Cột 2: Phần I Xe ô tô: Ghi theo nhãn hiệu và biển kiểm soát (Ví dụ: Toyota Camry 10A-9999).
- Trường hợp có "sử dụng khác" thì ghi rõ hiện trạng đang sử dụng.